

REQUEST FOR QUOTE YÊU CẦU BÁO GIÁ

June 23, 2025

From: Samaritan's Purse USA - Representative Office in Vietnam

Từ: Tổ chức Samaritan's Purse Hoa Kỳ - Văn phòng đại diện tại Việt Nam

PR Number/Số tham chiếu: 2025 - 74

We have plan to purchase **medical equipment** to be delivered to Tram Tau, Luc Yen, Nghia Lo, and Van Yen districts, Yen Bai province.

Tổ chức chúng tôi có kế hoạch mua **một số thiết bị y tế** được giao đến các huyện Trạm Tấu, Lục Yên, Nghĩa Lộ và Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Requirements/Yêu cầu:

Tiêu chí lựa chọn	Selection criteria
Thông tin sản phẩm và thông số kỹ thuật được đính kèm bên dưới	Product information and specifications are attached below.
Thiết bị và Số lượng: 1. Máy xét nghiệm sinh hóa - 1 máy 2. Máy thận nhân tạo - 5 máy 3. Máy đo đường huyết - 10 máy 4. Máy theo dõi bệnh nhân 06 thông số - 5 máy 5. Tủ bảo ôn lưu trữ rác thải - 1 cái 6. Tủ bảo ôn lưu trữ xác - 1 cái	Items & Quantity: 1. Biochemistry analyser – 1 pcs 2. Hemodialysis machine – 5 pcs 3. Glucose meter – 10 pcs 4. Patient monitor (06 parameters) – 5 pcs 5. Medical waste storage freeze – 1 pcs 6. Refrigerated mortuary cabinet – 1 pcs
Giá thành: Giá cần được bao gồm hóa đơn và các chi phí khác như: vận chuyển, lắp đặt, vật tư kèm theo (nếu có)	Price: The price should be included VAT and and all other costs such as: transportation, installation, other materials (if any)
Bảo hành: Nhà cung cấp sẽ chủ động đưa ra điều kiện bảo hành theo chính sách của công ty (nêu rõ điều khoản bảo hành và đổi trả)	Warranty period: The suppliers will provide the warranty according to their policy (please specify terms of warranty and return)
Thời gian giao hàng dự kiến: Tháng 8 năm 2025	Estimated delivery time: August 2025

Please send *or hand deliver* the sealed quote by 10AM, July 07, 2025 at latest, and to the following address:

Xin vui lòng gửi **báo giá được niêm phong** trước **10h sáng, ngày 07 tháng 07 năm 2025**, theo địa chỉ sau:

Samaritan's Purse USA - Representative Office in Vietnam

No.09, Alley 168 Nguyen Khanh Toan, Quan Hoa ward, Cau Giay district, Hanoi

ATTN: Purchasing Committee; 2025 - 74

Tổ chức Samaritan's Purse Hoa Kỳ - Văn phòng đại diện tại Việt Nam

Số 09, ngõ 168 Nguyễn Khánh Toàn, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Tp.Hà Nội

Người nhận: Ủy ban Mua sắm, 2025 - 74

Or via email: VietnamBids@samaritan.org

with the subject heading as follows: **Purchasing Committee; 2025 - 74**

Hoặc gửi qua địa chỉ email: VietnamBids@samaritan.org

Với nội dung tiêu đề là: **Ủy ban Mua sắm, 2025 - 74**

Samaritan's Purse USA - Representative Office in Vietnam operates as an ethical charity and nonprofit. This project is a humanitarian aid project to equip some essential medical equipment for hospitals to expand activities to help the people who need medical assistance. Please consider to give us the best price.

Tổ chức chúng tôi hoạt động như một Tổ chức từ thiện phi lợi nhuận. Dự án này là một dự án viện trợ nhân đạo nhằm trang bị các thiết bị y tế cấp thiết cho các bệnh viện để mở rộng các hoạt động nhằm giúp đỡ người dân đang cần sự trợ giúp y tế tại tỉnh Yên Bái. Chính vì vậy, xin vui lòng xem xét để cung cấp cho chúng tôi giá tốt nhất.

*Kindly submit any questions along with your completed quotation for the purchasing committee to review.
Vui lòng gửi bất kỳ câu hỏi nào kèm theo báo giá của Quý vị để Ủy ban mua sắm xem xét.*

Please use the quote template we provided below

Vui lòng sử dụng biểu mẫu báo giá chúng tôi đã cung cấp ở bên dưới

Best regards,

Purchasing Committee, Samaritan's Purse USA - Representative Office in Vietnam

Trân trọng cảm ơn,

Từ Ủy ban Mua sắm, Tổ chức Samaritan's Purse Hoa Kỳ - Văn phòng đại diện tại Việt Nam

NOTE (Lưu ý):

Other documents attached (just need a copy or scan) / Các giấy tờ khác kèm theo (chỉ cần bản phô-tô hoặc scan)

1/ Certificates related to machinery and equipment (Các chứng chỉ liên quan đến thiết bị máy móc yêu cầu)

2/ 3 references from your customer partners such as agencies, organizations, and groups (3 tham chiếu đến từ các cơ quan, tổ chức, đoàn thể đã hoặc đang là đối tác khách hàng của Quý vị)

3/ Business Registration Certificate (Giấy phép Đăng ký kinh doanh)

4/ Documentation to demonstrate your experience in this field (Tài liệu để thể hiện năng lực/kinh nghiệm của Quý vị trong lĩnh vực cung cấp các sản phẩm thiết bị y tế)

QUOTATION

BÁO GIÁ

I/ GENERAL INFORMATION (Thông tin của Công ty)

Company Name	: Tên Công ty
Date	: Ngày báo giá
Address	: Địa chỉ Công ty
Quoted by	: Tên người báo giá
Contact Number	: SĐT liên hệ
Email Address	: Địa chỉ email

*We practice procurement with **INTEGRITY**. Email unethical behavior to spvietnamreports@samaritan.org for confidential reporting*
Chúng tôi thực hành việc mua sắm với sự minh bạch và chính trực. Vui lòng gửi báo cáo về bất kỳ hành vi vi phạm đạo đức trong việc mua sắm tới địa chỉ email: spvietnamreports@samaritan.org (mọi thông tin sẽ được giữ bảo mật)

Business code	: Mã số thuế Doanh nghiệp
Bank Acc. Name	: Tên chủ tài khoản ngân hàng (lưu ý tài khoản Công ty)
Bank Acc. No.	: Số tài khoản
Bank Name	: Mở tại Ngân hàng nào
Bank address	: Chi nhánh Ngân hàng
Business Registration Documents (attach file)	

II/ QUOTE (Nội dung Báo giá)

Item # STT	Item Description Mô tả chi tiết về sản phẩm (Tên, giống, đặc điểm kỹ thuật, vv.)	Qty Số lượng	Unit Đơn vị tính	Unit Cost (VND) Giá đơn vị (VND)	Total Cost (VND) Thành tiền (VND)
1	Máy xét nghiệm sinh hóa	1	máy		
2	Máy thận nhân tạo	5	Máy		
3	Máy đo đường huyết	10	Máy		
4	Máy theo dõi bệnh nhân 06 thông số	5	máy		
5	Tủ bảo ôn lưu trữ rác thải	1	cái		
6	Tủ bảo ôn lưu trữ xác	1	cái		
..					
..					
TOTAL Tổng cộng					
Lưu ý: Giá cần được bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt và hóa đơn GTGT hợp lệ					

Delivery time Thời gian giao hàng	
Payment Terms Điều khoản thanh toán	
Warranty period and method for redeeming warranty Thời gian bảo hành và phương thức bảo hành	Cần nêu rõ thông tin chi tiết tại đây (Thời gian bao lâu?, điều kiện là gì?, hình thức như thế nào?, vv...)
After sales services Dịch vụ hậu mãi	Các hỗ trợ mà Quý vị đưa ra sau khi bán hàng là gì? (ví dụ: hỗ trợ tư vấn việc sử dụng, bảo dưỡng, khuyến mãi, vv...)
Quotation Validity (min 30 days) Thời gian hiệu lực của báo giá (tối thiểu là 30 ngày)	

Authorized By/ Đại diện Công ty
Name, Signature and Company's Stamp
Chữ ký, tên đầy đủ và đóng dấu cơ quan

THÔNG SỐ KỸ THUẬT THIẾT BỊ Y TẾ
(Các thông số kỹ thuật do Trung tâm y tế các huyện cung cấp)

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật
1	Máy xét nghiệm Sinh hóa	Yêu cầu chung: - Model: AX200 - Hãng sản xuất: Balio Diagnostics (GMT SAS) - Xuất xứ: Pháp - Đáp ứng tiêu chuẩn quản lý chất lượng : ISO 13485, EC- Năm sản xuất: 2024 trở về sau Cấu hình cung cấp: - Máy chính máy kèm theo bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ - Bộ máy tính (mua tại Việt Nam): 01 bộ - Máy in lazer (mua tại Việt Nam): 01 bộ - Bộ lọc nước RO (mua tại Việt Nam): 01 bộ - Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh, tiếng Việt): 01 bộ Thông số kỹ thuật: Đặc tính kỹ thuật: - Công suất: 200test/giờ. - Hoàn toàn tự động, phân tích riêng biệt, truy cập ngẫu nhiên - Phương pháp: so màu, đo độ đục - Hiệu chuẩn: tuyến tính và đa chuẩn. - 1 kim hút mẫu và thuốc thử: có cảm biến bề mặt chất lỏng, theo dõi lưu lượng chất lỏng. Tránh va chạm - 1 kim trộn - 7 kim rửa cuvette Khay mẫu bệnh phẩm: - Mẫu bệnh phẩm: 40 vị trí mẫu được làm lạnh, bao gồm các vị trí chất tẩy rửa, tiêu chuẩn, QC, STAT. - Mã vạch trong tùy chọn có sẵn. - Thể tích mẫu: 1,5 - 50 µL, với mức tăng 0,1 µL Khay hóa chất: - Hóa chất: 40 vị trí thuốc thử được làm lạnh, bao gồm 1 vị trí chất tẩy rửa và một vị trí pha loãng. - Mã vạch trong tùy chọn có sẵn. Quản lý lô và ngày hết hạn: - Thể tích hút thuốc thử: 10 - 300 µL, với mức tăng 1 µL Hệ thống khay phản ứng: - Khay phản ứng: 60 cuvet phản ứng có thể tái sử dụng. - Thể tích phản ứng tối thiểu: 180 µL - Kiểm soát nhiệt độ ủ ấm 37 ° C +/- 0,1 - Hệ thống rửa tự động 8 bước với chất tẩy rửa Hệ thống lạnh: - Làm mát cho thuốc thử, mẫu, chất hiệu chuẩn, chất chuẩn, điều khiển bằng công tắc BẬT-TẮT - Hệ thống làm mát không ngừng 24 giờ để đảm bảo thuốc thử ở 2-8 ° C. Hệ thống quang học: - Nguồn sáng: Đèn halogen-vonfram tuổi thọ cao, 12V, 20W.

		- Bước sóng: 340, 405, 450, 492, 510, 546, 578, 630, 700 nm. - Dải hấp thụ: 0 ~ 4.0 Abs. - Độ phân giải: 0.0001 Abs. Phương pháp kiểm tra chất lượng (QC): - Có chương trình QC, biểu đồ Levy Jennings áp dụng qui tắc Westgard, chức năng kiểm tra thời gian thực. Phương pháp Calibration: - Sử dụng: K Factor and Linear, Calibration Point: 1~6 points. Hệ thống điều khiển: - Kết nối LIS hai chiều, hệ điều hành Windows 7, 10. - Kích thước: 415 x 565 x 385 mm - Trọng lượng: 32 kg Điều kiện làm việc: - Độ ẩm tương đối <90%, Áp suất khí quyển 86 - 106 kPa. - Nguồn cấp: AC 220V - 50 Hz, 350 VA - Lượng nước tiêu thụ : 5 lít/giờ.
		Yêu cầu chung: - Model:4008s - Nhà sản xuất: Fresenius Medical Care - Xuất xứ: Đức - Chất lượng máy: Mới 100% - Thiết bị đạt chứng chỉ ISO 13485 - Năm sản xuất máy chính: 2023 trở về sau - Phân loại: Loại C - Nguồn điện: 230V ± 10%, tần số 47 đến 63Hz - Điều kiện môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa 35°C + Độ ẩm: 30% đến 75%, 95% trong thời gian ngắn Yêu cầu về cấu hình: - Máy chính: 01 chiếc - Bộ dây nối với dịch lọc A, B: 01 bộ (gắn sẵn) - Bộ dây nối với hệ thống nước RO: 01 dây - Bộ dây nối với hệ thống nước thải: 01 dây - Cây treo dịch truyền/Cọc đỡ dịch môi: 01 cái - Giá đỡ quả lọc: 01 cái - Dây nguồn gắn sẵn: 01 dây - Que hút hoá chất tẩy trùng: 01 cái - Màng lọc dịch siêu sạch (diasafe plus): 01 màng lọc - Sách Hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh và tiếng Việt): 01 bộ Đặc tính kỹ thuật: Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 1370 x 480 x 480mm (Cao x Dài x Rộng) - Trọng lượng: ≥ 86 kg Nước cung cấp: - Áp lực đầu vào: 1.5 – 6.0 bar - Nhiệt độ: từ 5°C – 30 °C - Đầu ra tối đa cao: 1 m Nguồn cấp dịch trung tâm (nếu có):

2	Máy thận nhân tạo	- Áp lực cấp: Độ cao 1 m - Môi trường hoạt động: - Nhiệt độ trong phòng: từ 15 °C – 35 °C. - Áp suất khí quyển: 700 hPa – 1060 hPa. - Độ ẩm: 30% - 75%; 95% trong thời gian ngắn, không ngưng tụ - Bảo quản: - Nhiệt độ: -20°C đến +60°C với chất chống đông; 5°C đến +60°C không dùng chất chống đông - Khả năng chịu tải của giá treo dịch truyền: - Khả năng chịu tải tối đa: 5 kg - Các tín hiệu ngõ ra: - Alarm in/Cảnh báo trong: chức năng gọi sự trợ giúp - Alarm out/Cảnh báo ngoài: hiển thị trạng thái của máy - Khối dây máu bên ngoài: - Bơm máu động mạch: - Tốc độ bơm: 15 tới 600 ml/phút đối với dây máu đường kính cỡ Ø8mm - Độ chính xác: ±10% - Đường kính dây máu: 2 đến 10 mm - Kiểm soát áp lực động mạch: - Khoảng hiển thị: -300 mmHg tới + 280 mmHg - Độ chính xác: ±10 mmHg - Kiểm soát áp lực tĩnh mạch: - Khoảng hiển thị: -60 mmHg tới + 520 mmHg - Độ chính xác: ±10 mmHg - Kiểm soát áp lực xuyên màng: - Khoảng hiển thị: - 60 mmHg tới + 520 mmHg - Bộ phát hiện khí tĩnh mạch: - Phát hiện bong bóng khí nhờ vào bộ phát sóng siêu âm - Bơm Heparin: - Lưu lượng truyền: khoảng từ 0 đến 10ml/h - Bolus: tối đa 5 ml /lần. - Kích cỡ xy lanh: 20 ml. - Hệ thống thẩm phân kim đơn (tùy chọn) - Dùng 2 bơm máu, kiểm soát áp lực bên trong/ áp lực bằng lượng nhát hút thay đổi - Dòng dịch tối ưu (adapted flow): - Lưu lượng dịch lọc (Qd) = Lưu lượng máu thực tế (Qb) x Hệ số AdaptedFlow (F) - Hệ số (F): từ 1.0 đến 2.0 với mức tăng dần 0.1 - Khối thủy lực: - Tốc độ (lưu lượng) dịch lọc: 0-300-500-800 ml/min - Nhiệt độ dịch: 35°C đến 39 °C - Độ dẫn điện của dịch lọc: Khoảng hiển thị: 12.8-15.7 mS/cm (25°C) - Độ chính xác: ± 0.1 mS/cm - Nồng độ cho dịch Acetate hoặc dịch Acid (Acid dialysate): - Tỷ lệ trộn dịch mặc định tối thiểu 1 + 34 (có thể thay đổi) - Khoảng thay đổi: 125 đến 150 mmol/l - Nồng độ Bicarbonate trong dịch lọc:
---	---------------------------------	---

		- Tỷ lệ trộn mặc định: tối thiểu 1 + 27,6 (có thể thay đổi). - Khoảng thay đổi: – 8 đến + 8 mmol/l bicarbonate Dịch bicarbonate bột: - Có thể phối hợp với Bibag 5008 (Bột Bicarbonate) Hệ thống lọc dịch thẩm phân: - Màng lọc dịch Diasafe Plus: Giúp dịch thẩm phân trở nên siêu sạch khi đến màng lọc - Độ cân bằng chính xác của dịch lọc: $\pm 0.1\%$ so với lưu lượng dịch lọc Siêu lọc: - Tốc độ rút ký: khoảng từ 0 đến 4.00 lít/h - Độ chính xác: $\pm 1\%$. - Tương thích với hệ số UF của màng lọc: Không giới hạn - Các thông số hiển thị: UF Goal, UF time, UF rate và UF volume (số ký cần rút, thời gian rút ký, tốc độ rút ký và số ký đã rút) Bộ phát hiện rò rỉ máu: - Độ nhạy: 0,5 ml máu/phút (Hct = 25) với mức lưu lượng tối đa: 800ml/phút Đo độ thanh thải trực tuyến (OCM): - Độ chính xác của độ thanh thải K: $\pm 6\%$ Các chương trình rửa máy: - Rửa đơn thuần dùng nước RO nhiệt độ 37°C - Rửa nước nóng nhiệt độ 84°C và tuần hoàn - Rửa hóa chất nóng nhiệt độ 84°C và tuần hoàn - Rửa hóa chất nhiệt độ thường 37°C - Có thể liên kết nhiều chương trình với nhau.
3	Máy đo đường huyết	Thông tin chung: Model: GM01AAB Ký mã hiệu: CareSens N Premier Hãng sx: i-SENS, Inc./Hàn Quốc Xuất xứ: Hàn Quốc Cấu hình cung cấp: - Máy chính: 01 chiếc - Bút: 01 chiếc - Kim lấy máu: 10 chiếc - Test kiểm tra đường huyết: 01 hộp Chỉ tiêu kỹ thuật: - Phạm vi kết quả đo của máy: 20-600 mg/dL (1.1-33.3 mmol/L). - Mẫu thử tối thiểu: 0.5 μL - Thời gian đo & hiện kết quả: 05 giây - Mẫu xét nghiệm: máu tươi từ mao mạch toàn phần (đầu ngón tay, gan bàn tay hoặc trên cánh tay) - Hiệu chuẩn kết quả: Hiệu chuẩn so với máy phân tích đường huyết YSI 2300 theo tiêu chuẩn công nghệ quốc gia Mỹ. - Phương pháp phân tích: Điện hóa - Tuổi thọ pin: 1,000 lần đo - Nguồn điện: 2 pin 3.0V loại CR2032 - Đơn vị đo: mg/dL hoặc mmol/L.

4	Máy theo dõi bệnh nhân (06 thông số)	Thông tin chung: Model: pm-2000xl plus Hãng sản xuất : Advanced instrumentations, inc. – mỹ Xuất xứ: Mỹ Chất lượng hàng: Mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau Đạt tiêu chuẩn chất lượng iso 13485:2016, fda Cấu hình: 1. Máy chính màn hình màu chạm TFT LCD độ phân giải cao 12.1 inch, theo dõi 6 thông số nhịp thở, ECG, Huyết áp không xâm lấn, SpO2, nhiệt độ (2 kênh), ETCO2: 01 máy 2. Máy ghi nhiệt: 01 chiếc 3. Phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo: 01 bộ - Đầu dò nhiệt độ qua da: 01 chiếc - Cảm biến SpO2 dành cho người lớn sử dụng nhiều lần: 01 chiếc - Bao đo huyết áp người lớn: 01 chiếc - Dây đo huyết áp với cổng kết nối: 01 chiếc - Bộ đo ETCO2: 01 bộ - Dây cáp ECG: 01 chiếc - Dây nguồn: 01 chiếc - Điện cực dùng cho người lớn dùng một lần, (10 chiếc / gói): 03 gói - Pin Li-ion sạc : 01 chiếc 4. Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ Đặc tính kỹ thuật: - Màn hình màu TFT LCD độ phân giải cao - Màn hình cảm ứng, vận hành trực quan thông qua việc ấn vào các thông số hoặc dạng sóng. - Phát hiện máy tạo nhịp tim - Chức năng gọi điều dưỡng viên - Bảo vệ sự khử rung tim và đồng bộ hóa - Bảo vệ nhiễu điện - Thông tin trend công bố đầy đủ mở rộng - Hệ thống báo động toàn diện - ECG (3/5 đạo trình) với dạng sóng và Nhịp tim - Phân tích loạn nhịp, Phân tích đoạn ST - Tốc độ hô hấp (RR) với dạng sóng - SpO2 và nhịp xung (PR) - SpO2 ghi biến thiên thể tích dạng sóng - SpO2 điều biến tổng mạch - NIBP (Huyết áp không xâm lấn): SYS (tâm thu), DIA (tâm trương), MAP (áp lực trung bình đường thở) và nhịp xung. - 2 kênh nhiệt độ - Sự khác biệt nhiệt độ giữa hai kênh (TD) - CO2 cuối kỳ thở ra dòng chính mainstream/dòng phụ sidestream (EtCO2) - Tốc độ hô hấp của đường thở (AwRR) - CO2 dạng sóng
---	---	---

		- Giao tiếp HL thông qua XML Files - Khe thẻ SD cho phép mở rộng bộ nhớ. - Cổng USB và cổng nối tiếp, đầu ra VGA và tương tự analog, RJ-45. - Pin sạc tích hợp - Nguồn điện: AC 100 ~ 240 Volts 50/60 Hz. Chế độ hiển thị đa dạng: - Hiển thị đa dạng sóng - Phông chữ lớn - Bảng NIBP Thông số kỹ thuật: - Tiêu chuẩn an toàn: IEC 60601-1+A1+A2; IEC 60601-2+A1 - Đặc điểm vật lý: - Kích thước: 328mm (dài) x 158mm (rộng) x 285mm (cao) - Trọng lượng : 5.5 kg (không có pin) Hiển thị: - Hiển thị: Màn hình màu chạm TFT LCD 12.1" - Độ phân giải: 800x600 dpi - Hiển thị các traces (đường dấu): Lên đến 8 - Hiển thị các dạng sóng: Lên đến 11 - Chế độ làm việc đa dạng: Hiển thị giám sát tiêu chuẩn - Giao diện có thể lựa chọn: Màn hình hiển thị tiêu chuẩn, Hiển thị chăm sóc chuyên sâu với phông chữ lớn, Biểu đồ Trend/ Chế độ đồng hiển thị, Hiển thị giường tới giường (tùy chọn), Hiển thị quan sát động OxyCRG, Giao diện tính toán liều thuốc - Tốc độ quét: 6.25mm/giây, 12.5mm/giây, 25mm/ giây, 50mm/giây Yêu cầu môi trường: - Nhiệt độ môi trường xung quanh: -20°C – 55 °C (-4 – 1310F) - Độ ẩm: 25-93% không ngưng tụ Nguồn điện: - Nguồn điện xoay chiều AC: 100-240V AC, 50/60Hz - Pin bên trong : Pin sạc Li-ion, 2100 mAh 14.8V DC – 2500mAh - Thời gian làm việc với pin: Tối đa 5 giờ (với pin 4200mAh)/ Trong trường hợp nhất định: 2100mAh: 150 phút – 4200mAh: 300 phút - Thời gian sạc: <230 phút (2500mAh)/ <360 phút (4200mAh) Hô hấp: - Kỹ thuật: Trở kháng Trans-thoracic - Chế độ hoạt động: Tự động/Bằng tay - Khoảng đo Rr: Người lớn: 0-120 nhịp/phút , Sơ sinh/Nhi khoa: 0-150 nhịp /phút - Độ phân giải: 1nhịp/ phút - Ngưỡng báo động ngừng thở: 10 giây, 15 giây, 20 giây (mặc định), 25 giây, 30 giây, 35 giây, 40 giây - Báo động: 3 mức báo động âm thanh và hình ảnh, các sự kiện báo động có thể gọi lại - Băng thông: 0.2-2.5Hz (-3dB) - Tốc độ quét: 6.25mm/giây, 12.5mm/giây, 25mm/giây, 50mm/giây ECG: - Loại đạo trình: Có thể lựa chọn 5 đạo trình và 3 đạo trình
--	--	--

	- Cáp dây 3 điện cực: RA; LA; LL hoặc R; L; F - Cáp dây 5 điện cực: RA; LA; RL; LL; V hoặc R; L; N; F; C - Lựa chọn đạo trình: 3-lead: I; II; III / 5-lead: I; II; III; aVR; aVL; aVF; V - Chọn độ phóng đại: x0.125; x0.25; x0.5; x1; x2; tự động - Tốc độ quét: 6.25 mm/giây, 12.5 mm/giây, 25mm/ giây, 50 mm/giây - Khoảng Ecg Hr: Người lớn: 15-300 nhịp/phút, Trẻ nhỏ/Trẻ sơ sinh: 15-350 nhịp/phút - Độ phân giải & Độ chính xác: ± 1 nhịp/phút hoặc $\pm 1\%$, bất cứ giá trị nào lớn hơn - Bộ lọc: Chế độ chẩn đoán: 0.05~150Hz Chế độ giám sát: 0.5~40Hz Chế độ phẫu thuật: 1~20Hz - Bảo vệ: Chịu được điện áp 5000 VAC/50Hz cách ly chống khử rung, nhiễu phẫu thuật điện - Phát hiện đoạn St: Khoảng đo: -2.0mV ~ 2.0mV Đi kèm với phân loại, phân tích loạn nhịp tim đoạn ST - Cảnh báo: 3 mức báo động bằng âm thanh và hình ảnh, các sự kiện báo động có thể được gọi lại - Phát hiện máy trợ tim: Có, và có thể phát hiện 5 loại trạng thái bất thường NIBP: - Phương pháp: Đo dao động - Các chế độ hoạt động: Bằng tay/Tự động/Liên tục - Khoảng thời gian đo tự động: Điều chỉnh được 1, 2, 3, 4, 5, 10, 15, 30, 60, 90, 120, 240, 480 phút - Loại đo: SYS, DIA, MAP, PR - Bảo vệ quá áp lực: Bảo vệ an toàn kép Đi kèm với kiểm tra rò rỉ, hiệu chỉnh áp suất tự động Khoảng áp lực: - Người lớn: Huyết áp tâm thu: 40-270mmHg Huyết áp tâm trương: 10-215mmHg Huyết áp trung bình: 20-235mmHg - Trẻ em: Huyết áp tâm thu: 40-200mmHg Huyết áp tâm trương: 10-150mmHg Huyết áp trung bình: 20-165mmHg - Trẻ sơ sinh: Huyết áp tâm thu: 40-135mmHg Huyết áp tâm trương: 10-100mmHg Huyết áp trung bình: 20-110mmHg - Độ phân giải : 1mmHg - Độ lệch chuẩn tối đa: ± 8 mmHg - Cảnh báo: Tâm thu, tâm trương, trung bình - Pr từ NIBP: 40-240 nhịp/phút - Độ phân giải: 1 nhịp/phút - Độ chính xác: 3 nhịp/phút hoặc 3.5% (tùy giá trị nào lớn hơn) SPO2: - Khoảng báo động đo: 0~100% - Độ phân giải: 1% - Độ chính xác: $\pm 2\%$ (70-100% Người lớn/Trẻ em)
--	--

		±3% (70-100% Trẻ sơ sinh) - Đo nhịp xung: 25-300 nhịp/phút - Độ phân giải: 1 nhịp/phút - Độ chính xác: ±2 nhịp/phút - Làm mới: 1 giây CO2 (dòng chính Mainstream/ dòng phụ Sidestream): - Khoảng: 0~150mmHg - Độ chính xác: ±2% 0~40mmHg ±5% 41~70mmHg ±8% 71~100mmHg ±10% 101~150mmHg ±12% của giá trị đọc, giá trị đo RESP vượt quá 80 vòng/phút (dòng phụ) - Độ chính xác AWRR: ±1 vòng/phút - Thiết kế thuận tiện cho các ứng dụng đặt nội khí quản và không đặt nội khí quản / Có thể làm việc ở tốc độ dòng chảy thấp: 50ml / phút / Chi tiết kỹ thuật cụ thể tham khảo hướng dẫn sử dụng Nhiệt độ (2 kênh, 1 đầu dò mặc định): - Khoảng báo động đo: 0-500C (32-1220F) - Độ phân giải: 0.10C - Độ chính xác: ±0.10C (không có đầu dò) - Kênh: 2 kênh, cho phép hiển thị T1; T2; ΔT - Nhiệt độ nhanh: khoảng đo: 250C~450C (chế độ giám sát)/ 35.50C~420C (chế độ chẩn đoán) - Độ phân giải: 0.10C - Độ chính xác (không có đầu dò): ±0.10C (250C~450C) (chế độ giám sát) - Loại đầu d: đầu dò ở miệng/nách, đầu dò trực tràng - Loại chẩn đoán: ít hơn 30 giây Đầu ghi nhiệt: (lên đến 3 kênh in và tùy chọn 1,2,3 kênh) - Tốc độ in: 25mm/s, 50mm/s - Chiều rộng giấy in: 50mm Giao diện I/O: - Cổng USB, khe thẻ SD, cổng nối tiếp RS 232, đầu ra VGA, đầu gọi y tá và tương tự Analog, khủ rung và đầu ra đồng bộ hóa.
5	Tủ bảo ôn lưu trữ rác thải	- Mã tủ bảo ôn rác thải Y tế 310 lít: fR300-WA; - Dung tích tủ: 310 lít, 2 buồng - Dải nhiệt độ hoạt động: -18 độ C đến 0 độ C; Gas R134A; Công suất: - Trung bình 2,4kW/24 giờ; - Nguồn cung cấp: 220V/50Hz; - Bánh xe chịu lực, giúp di chuyển tủ dễ dàng; Quạt lồng sóc giúp làm lạnh nhanh và sâu; ủ bảo ôn rác thải Y tế 310 lít (fR300-WA) được sản xuất chính hãng bởi Hanokyo với dung tích 310 lít đựng rác thải y tế, 2 buồng chứa tiện lợi giúp việc bảo quản và làm lạnh được tiện lợi hơn. - Công suất hoạt động của tủ bảo ôn rác thải Y tế trung bình 2,4kW điện/24 giờ, nguồn cung cấp 220V/50Hz. Đặc biệt tủ bảo ôn rác thải Y tế 310 lít (fR300-WA) Có quạt lồng sóc và dàn lạnh bằng nhôm nên việc cấp đông sẽ nhanh hơn giúp tiết kiệm điện khá tốt cho doanh nghiệp.

6	Thiết bị bảo ôn Lưu trữ xác	Thông tin chung: - Model: Cold Room; Code: CEACZ07; Hãng - sản xuất: VEZZANI S.p.A. - Nhãn hiệu: CEABIS; Nước sản xuất: Ý; Cấu hình cung cấp: - Tủ bảo quản tử thi: 01 cái; - Khay inox: 02 cái; - Hệ thống làm lạnh (Hãng SX: Cinbin/Ý): 01 cái; - Điều khiển: 01 cái; - Tài liệu HDSD: 01 cuốn; Thông số kỹ thuật: - Kích thước (R x S x C): 2260 x 1040 x 1880mm; -Kích thước (R x S x C): 2260 x 1040 x 2340mm (bao gồm hệ thống làm lạnh); - Nhiệt độ vận hành: 0°C; - Khoảng nhiệt độ sử dụng: -5°C/5°C; - Công suất máy nén: HP ½; -Điện năng tiêu thụ: 814W; -Dòng điện tiêu thụ: 4.9A; -Nguồn cung cấp: V230/1/50Hz; -Gas làm lạnh: 52A; Cấu trúc tủ: BM.TCHC.01.7 - Cấu trúc tủ theo dạng module nhiều tấm. Các tấm này được cấu tạo bởi 2 tấm kim loại ở 2 mặt bên và kẹp giữa là 1 màng ngăn polyurethane cứng, có cấu trúc xốp, có khả năng cách nhiệt. - Độ dày tấm: 80mm; Vật liệu thành, trần, cửa tủ: - Thép tấm mạ kẽm phủ màng PVC trắng, không độc hại và cứng dày 120 μ - Tự dập lửa và tuân thủ các quy định vệ sinh; Sàn tủ: - Sàn được làm bằng polyurethane dạng xốp được gia cố chắc chắn độ dày 10 mm. - Tấm thép mạ kẽm có màng PVC màu xám, chống trượt, không độc hại và cứng với độ dày 200 μ tự dập lửa và tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh. Cách nhiệt: - Vật liệu cách nhiệt bằng polyurethane dạng xốp, cứng, mật độ 40 kg/m³, không có CFC. Ổn định nhiệt, hóa học và kích thước rất tốt. Khay chứa xác và cấu trúc bên trong: - Các khay làm hoàn toàn bằng thép không gỉ. Đường viền dạng trứng cho phép thu thập các chất lỏng. Các khay được trang bị tay cầm để dễ dàng đưa vào, lấy ra và vận chuyển. Bên trong phòng lạnh có cấu trúc inox dạng ống đón cáng. Hệ thống làm lạnh: - Hệ thống làm lạnh được làm bằng những vật liệu có chất lượng cao và phụ kiện của các thương hiệu tốt nhất trong ngành. Có dạng khối liền hoặc tách rời, bao gồm: thiết bị ngưng tụ, thiết bị bay hơi và thiết bị điện tử và bảng điều
---	-----------------------------	--

		khuyến. -Phần thân: Làm từ các tấm thép sơn và có thể tháo rời để bảo trì dễ dàng. -Bộ phận nén khí: kín khí, được làm mát bằng khí hút; nó được trang bị với một động cơ bảo vệ tích hợp với các điện trở nhiệt điều chỉnh bằng điện tử. Khí sinh thái. Việc phân phối khí được thực hiện bằng ống mao dẫn hoặc van hằng nhiệt.
--	--	---